

## NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

82 - 89

**PHƯƠNG THỨC TU TỪ TÍCH HỢP  
TRONG TÌNH KHÚC TRINH “NHƯ CÁNH VẠC BAY”**  
INTEGRATED RHETORICAL DEVICES IN TRINH'S LOVE SONG  
“LIKE A FLIING HERON”

**HỒ THỊ KIỀU OANH**  
(PGS.TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

**Abstract:** This article investigates the integrated rhetorical device used in the Trinh's love song: “Like a Flying Heron” - one of the well-known love songs composed by the musician Trinh Cong Son (TCS). Hopefully, the article could help Vietnamese natives and foreigners have a profound insight into the use and the affective effect of this rhetorical device in Vietnamese love songs.

**Key words:** Rhetorical devices; integrated rhetorical devices; love song.

### 1. Đặt vấn đề

Có thể nói rằng, Trịnh Công Sơn (TCS) là hiện tượng đặc biệt trong nền âm nhạc nước nhà với số lượng công chúng hâm mộ hiếm có suốt hơn bốn mươi năm qua, kể từ khi ông công bố ca khúc đầu tiên *Ướt mi* vào năm 1959. Kể từ thời điểm đó, hàng trăm bản tình ca của TCS đã được hát lên ở miền Nam, và đặc biệt là từ sau chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975 thống nhất nước nhà, âm nhạc của ông đã chinh phục hàng triệu, triệu con tim yêu nhạc trong cùng như ngoài nước.

Phần hồn trong những tình khúc của TCS là *ca từ - tất cả phần ngôn ngữ văn học trong âm nhạc*) [1]. Ca từ đã được nhạc sĩ đẩy lên một loại hình ngôn ngữ ẩn tượng, đôi khi tương như vu vơ, vô nghĩa, nhưng lại chính là sự thăng hoa của tâm hồn ông thể hiện qua nét nhạc: trong sáng hồn nhiên, trữ tình độ lượng, tha thiết đến lạ lùng, vừa sâu sắc triết lý vừa gần gũi...mà trong đó phương thức tu từ là yếu tố hầu như không thể thiếu. Thật vậy, phương thức tu từ chiếm một bề dày đáng kể trong những tình khúc của ông đã trở thành một biểu tượng nghệ thuật đặc sắc lộ tả vô vàn những cung bậc cảm xúc trong tình yêu đôi lứa. Trong

phạm vi bài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung *phân tích phương thức tu từ tích hợp* trong tình khúc nhạc Trịnh tiêu biểu: “Như cánh vạc bay” [10, tr. 196, 197].

### 2. Phương thức tu từ trong tình khúc Trịnh “Như cánh vạc bay”

Tình yêu trong âm nhạc TCS là những cảm xúc dữ dội “*như trái phá con tim mù loà*”, “*như vết cháy trên da thịt người*”, “*như nổi chết con đau thật dài*”, “*như đốt sáng con tim tật nguyện*”...là những cuộc tình trong đơn côi nhưng đắm đuối, cháy bỏng. Tình yêu trong nhạc Trịnh dù đơn phương hay song phương, dù hữu hình hay vô hình, dù cho hay nhận bao giờ cũng cao thượng nhân văn. Tình yêu được TCS ca ngợi qua những biểu tượng như: giọt nắng, hạt mưa, con suối,...gắn liền với hình tượng những thiếu nữ có vẻ đẹp mong manh, thanh thoát với đôi vai gầy, đôi mắt buồn, đôi môi lửa cháy, ...mờ mờ, ảo ảo như một bức tranh phi thực sinh động được diễn đạt bởi sự *kết hợp nhiều phương thức tu từ* mà theo Đinh Trọng Lạc là *phương thức hội tụ tu từ học* [2, tr. 194] nhằm lột tả những cung bậc tình cảm khác nhau trong tình yêu đôi lứa: nhớ thương, tương tư, mong chờ, giận hờn, trách móc, xót xa, biệt

li, thất tình, tình phụ ... trong vô vàn những bản tình ca Trịnh trong đó có tình khúc "Nơi cánh vạc bay".

Thật vậy, trong tình khúc "Nơi cánh vạc bay", TCS đã nhẹ nhàng bắt đầu lời tự tình bằng phương tiện cú pháp qua hai câu hỏi tu từ *Nắng có hồng bằng đôi môi em? Mưa có buồn bằng đôi mắt em?* kết hợp với phương thức tu từ ngữ nghĩa ở dạng so sánh với từ *bằng*. Phương thức tu từ tích hợp hay hội tụ này về hình thức là câu hỏi mà về thực chất là câu khẳng định mang tính biểu cảm cao nhằm đẩy hình tượng văn học đẹp để lên gấp bội: người con gái có đôi môi hồng đào, đôi mắt buồn và đẹp ... Hơn thế nữa, việc sử dụng khéo léo hai câu hỏi tu từ mở đầu nêu trên kết hợp với phương thức ẩn dụ hình tượng có thể tác động đến trực giác của người cảm nhận và dẫn dắt họ hướng đến một thông điệp mới - mái tóc đẹp bóng bệ của người con gái: *Tóc em từng sợi như rớt xuống đời làm sóng lên đèn*.

Biện pháp nhân hoá cũng được TCS khéo léo vận dụng để làm cho hình tượng được mô tả trở nên gần gũi dễ hiểu hơn đối với người nghe nhằm có thể bày tỏ kín đáo tâm tư, tình cảm của mình: *Gió sẽ mừng vì tóc em bay cho mây hôn ngủ quên trên vai*. Phương thức này lại được dùng sóng đôi với phương thức tương phản nằm trong mối quan hệ đối chọi nhau nhằm gọi cho người tiếp nhận khả năng liên tưởng đến những hình tượng nhân vật, sự vật có những nét mâu thuẫn mà thống nhất biện chứng. Rõ ràng hai hình ảnh tương chừng như đối lập nhau *gió mừng khi tóc em bay, mây hôn ngủ quên trên vai* vừa đánh thức được những cảm xúc quen thuộc vừa tạo nên một khung cảnh và hình tượng nên thơ để xoáy sâu vào tiềm thức và tình cảm của người cảm thụ nhạc. Và cũng từ đó, TCS lại tiếp tục mang đến người nghe một hình tượng thanh thoát với đôi vai gầy của người con gái ở một phương trời xa xăm nào đó: *Vai em gầy guộc nhỏ như cánh vạc về chốn xa xôi*. Có thể thấy biện pháp tu từ từ vựng hoà hợp được dùng kết hợp uyển chuyển với phương tiện so sánh hiển ngôn như

làm phương tiện nối kết hai hình tượng *vai em gầy guộc nhỏ* và *cánh vạc về chốn xa xôi* có mối quan hệ phụ thuộc vào nhau, quy định lẫn nhau tạo nên sự cộng hưởng về ý nghĩa.

Nhưng rồi TCS lại trở về với thực tại bản khoản liệu hình ảnh tươi đẹp xưa kia của người con gái cũ có phai nhòa theo năm tháng trước những đổi thay của cuộc đời qua cụm từ *có còn* trong những câu hỏi tu từ: *Nắng có còn hôn ghen môi em? Mưa có còn buồn trong mắt trong? Rõ ràng biện pháp lặp bộ phận có còn và những câu hỏi tu từ kể trên đã gây hiệu ứng đẩy lên cao trào cảm giác luôn khắc khoải và ưu tư của tác giả về một người con gái ở phương xa. Kết hợp với phương thức lặp này là phương thức tu từ từ vựng tương phản (*nắng, mưa*) và phương thức nhân hoá (*nắng hôn ghen, mưa buồn*). Phải chăng đây là hiện tượng lặp ý khéo léo với hai câu mở đầu của tình khúc này (*Nắng có hồng bằng đôi môi em? Mưa có buồn bằng đôi mắt em?*) nhằm tạo hiệu ứng da diết trong nỗi suy tư của tác giả? Và, trong tâm thức của tác giả đã có điểm báo không lành của sự chia xa: *Từ lúc đưa em về là biết xa nghìn trùng*. Phương tiện tu từ so sánh là chuyển tải sắc thái khẳng định về sự tan vỡ như một quy luật tất yếu trong tình yêu sau những ngày tháng vui vầy như TCS đã có lần tự bạch *tình reo vui như nắng, tình buồn làm cơn say*.*

Thật vậy, tình yêu đến rồi đi để lại sự lặng lẽ tiếc nuối, ngậm ngùi và héo hon cho người ở lại về những kỷ niệm đẹp xanh tươi của một thời yêu dấu: *Suối đón từng bàn chân em qua lá hát từ bàn tay thơm tho. Lá khô vì đợi chờ cũng như đời người mãi âm u*. Để diễn đạt trọn vẹn những trạng thái cảm xúc này, TCS đã vận dụng tích hợp nhiều phương thức tu từ như phương thức tu từ sóng đôi và hoà hợp về từ vựng (*suối đón - lá hát, bàn chân em qua - bàn tay thơm tho*), kết hợp hài hoà với phương thức nhân hoá (*suối đón - lá hát, lá khô [vì đợi chờ] - đời người [mãi] âm u*) đã đẩy ca từ TCS lên một hình ảnh nổi bật, rất dễ nhớ và dễ thuộc. Bên cạnh đó, phương thức tu từ so sánh hiển ngôn với phương tiện so sánh cũng như được

TCS lồng ghép một cách hài hoà và tài tình với những biện pháp tu từ trên nhằm nâng cao giá trị biểu cảm.

Để đưa lên cao trào những cung bậc cảm xúc khắc khoải dâng tràn *Nơi em về ngày vui không em? Nơi em về trời xanh không em?*, TCS đã khéo léo vận dụng phương thức tích hợp gồm nhiều phương thức tu từ đan xen như phương thức lặp đầu lặp lại một vài yếu tố ở đầu câu *Nơi em về* trong một chuỗi hai câu liên tiếp nhau kết hợp với phương thức sóng đôi *ngày vui - trời xanh* và câu hỏi tu từ đan xen với phương thức lặp cuối *không em?* đã tạo nên hiệu ứng chuyển tải sắc thái biểu cảm cao, đem lại sức thuyết phục đáng kể nhờ vào tính nhịp nhàng và hài hoà.

Cuối cùng, tình yêu trong nhạc Trịnh cũng thường đang dở, dễ vỡ như những nụ hồng vội tàn và không kịp nở. Thế rồi những cuộc tình lỡ phà hơi thở, truyền cảm xúc đến người bị phụ và làm vụn vặt xung quanh dường như cũng đượm vẻ u buồn: *Ta nghe nghìn giọt lệ rơi xuống thành hồ nước long lanh. Có thể thấy phương thức diễn đạt phóng đại nghìn giọt lệ, hồ nước long lanh* chuyển tải đến người nghe những cảm xúc vô biên và nhờ đó đến được thẳm sâu trong tâm hồn của người cảm nhận.

### 3. Kết luận

Đến đây chúng ta có thể thấy phương thức tu từ được dùng xuyên suốt cả tình khúc “Nơi cánh vạc bay”: lúc lên cao lúc xuống thấp để diễn đạt những cung bậc vui buồn, hạnh phúc trong tình yêu; trong đó, phương thức tu từ tích hợp là yếu tố không thể thiếu. Sự kết hợp đó có tác dụng tăng cường hiệu ứng biểu cảm và gây ấn tượng đối với người cảm thụ. Điều này khẳng định quan điểm của Arnol'd: “Cùng một mô típ, cùng một tâm trạng hoặc tình cảm thường được truyền đạt đồng thời bằng một vài phương tiện” [5]. Thực vậy, có thể thấy rằng việc sử dụng phương thức tu từ nói chung và phương thức tu từ tích hợp nói riêng là một bút pháp nghệ thuật đặc sắc có thể mang đến sự đồng điệu giữa người sáng tác và người cảm nhận. Trên cơ sở này, phương thức tu từ tích

hợp trở thành loại tín hiệu ngôn ngữ mang tính thẩm mỹ cao của người sáng tác tham gia vào quá trình tạo nghĩa biểu cảm qua đó kích thích nguồn cảm hứng cho khách thể tiếp nhận cùng chia sẻ với tác giả được đầy đủ nét tinh túy của tính biểu cảm thể hiện qua từng con chữ. Hay nói cách khác, theo Nguyễn Lai, khách thể tiếp nhận cùng tham gia vào quá trình *đồng sáng tạo* với người sáng tác [3, tr. 25]. Chia sẻ quan điểm này, thiên tài âm nhạc TCS [4, tr. 14] đã có lần tâm sự: “Khi bạn hát một bản tình ca là bạn đang muốn hát về cuộc tình của mình...”. Thật vậy, ca từ của ông sâu xa mà dung dị, hồn nhiên với những cung bậc cảm xúc khác nhau nhằm bày tỏ tình yêu của mọi kiếp người đã được nhiều thế hệ đón nhận như chính hơi thở của mình trong đó việc sử dụng phương thức tu từ tích hợp đóng vai trò tất yếu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Dương Việt Á (2000), *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*, Viện Âm nhạc Hà Nội.
2. Đinh Trọng Lạc (1996), *99 Phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Lai (2006), “Đường dây biểu cảm trong giảng dạy văn chương”, *Ngôn ngữ và đời sống*, số 6 (128).
4. Lê Minh Quốc (2001), *Trịnh Công Sơn - Roi lệ ru người*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
5. Arnol'd I. V. (2010), *Semantics. Stylistics. Intertextuality*, 2nd (ed.), URSS Librokom, Moscow.
7. Luong Van Nhan (2011), *A study of the English translational versions of Trinh Cong Son's songs in terms of semantic and syntactic Features*, Master Thesis, University of Danang.
8. Phạm Thị Phu Thuong (2012), *A study of linguistic features personification in English and Vietnamese love songs*, Master Thesis, University of Danang.

### DẪN LIỆU:

10. Trịnh Công Sơn (1995), *Tuyển tập những bài ca không năm tháng*, Nhà xuất bản Âm nhạc.